

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2021
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị Ngọc D**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã A, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc D trình bày:***

- Về mối quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Duy T do mai mối tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào

năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 03 tháng 8 năm 2018. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại tỉnh Bình Dương đi làm công nhân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, đời sống không hạnh phúc. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 7 năm 2020 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 27 tháng 10 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị D về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trước ngày 14 tháng 7 năm 2020 chị D có hỏi gia đình về quê chơi nhưng lúc đó do dịch bệnh kinh tế khó khăn nên cha anh có nói là đợi một tháng nữa đến thôi nói con về luôn. Nhưng ngày 14 tháng 7 năm 2020 chị D tự ý đem con bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Anh và chị D không còn sống chung từ tháng 7 năm 2020 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 hiện đang sống với chị D. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Trích lục kết hôn bản sao; phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh; trích lục khai sinh bản sao; đơn xin xác nhận.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Ngọc D và anh Nguyễn Duy T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do mai mối tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 03 tháng 8 năm 2018. Theo lời trình bày của chị D thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, đời sống không hạnh phúc. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Theo anh T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến trước ngày 14 tháng 7 năm 2020 chị D có hỏi gia đình về quê chơi nhưng lúc đó do dịch bệnh kinh tế khó khăn nên cha anh có nói là đợi một tháng nữa đến thôi nôi con về luôn. Nhưng ngày 14 tháng 7 năm 2020 chị D tự ý đem con bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, hiện nay anh chị không còn sống chung. Nay anh đồng ý ly hôn với chị D và tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị D và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Con chung: Chị Lâm Thị Ngọc D và anh Nguyễn Duy T thống nhất xác định anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 hiện con chung đang sống với chị D. Sau khi ly hôn chị D và anh T thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho chị D nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung: Chị Lâm Thị Ngọc D và anh Nguyễn Duy T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lâm Thị Ngọc D và anh Nguyễn Duy T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Thị Ngọc D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Duy T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:**

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Ngọc D với anh Nguyễn Duy T.

[2] Con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị Lâm Thị Ngọc D và anh Nguyễn Duy T giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho chị Lâm Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Lâm Thị Ngọc D và anh Nguyễn Duy T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lâm Thị Ngọc D và anh Nguyễn Duy T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Thị Ngọc D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008441 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Duy T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Vui